

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 278/KH-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án tổng thể chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023 với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tập trung đầu tư phát triển hạ tầng dùng chung (*hạ tầng kỹ thuật, các nền tảng, phần mềm dùng chung, an toàn thông tin*) để đảm bảo đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo kết nối liên thông, chia sẻ dữ liệu của các đơn vị, địa phương trong tỉnh và kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trong cả nước. Phát triển dữ liệu số; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, cải cách hành chính; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động du lịch; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; chuyển đổi nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và từng bước hình thành công dân số, xã hội số của tỉnh gắn với công tác đảm bảo an toàn thông tin trong chuyển đổi số. Hoàn thành một số nhiệm vụ trọng tâm của Năm Dữ liệu số quốc gia 2023 theo định hướng chỉ đạo của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số:

- 100% hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT toàn trình và 50% hồ sơ phát sinh của các TTHC đã được cung cấp DVCTT một phần cho phép nộp hồ sơ trực tuyến phải được “tiếp nhận” trực tuyến; 50% hồ sơ phát sinh của các TTHC có quy định phí, lệ phí phải được thực hiện thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp DVCTT toàn trình trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 70% TTHC của tỉnh thực hiện qua DVCTT toàn trình được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

- 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, trên 60% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý trực tuyến.

- Trên 50% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản.

- Trên 10% hoạt động kiểm tra hành chính định kỳ của cơ quan quản lý nhà nước đối với đối tượng quản lý được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số:

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP trên 10%.
- Tỷ trọng thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ trên 8,5%.
- Trên 90% doanh nghiệp nhỏ và vừa được tiếp cận dùng thử các nền tảng chuyển đổi số, trên 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa thường xuyên sử dụng các nền tảng chuyển đổi số.

2.3. Phát triển xã hội số:

- 80% hộ gia đình trên địa bàn tỉnh có điện thoại thông minh.
- 75% hộ gia đình có đường truyền Internet cáp quang băng rộng.
- Phủ sóng băng rộng di động tới 100% thôn/bản trên địa bàn tỉnh.
- Tỷ lệ người dân từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các hình thức được phép khác đạt từ 55%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản định danh điện tử trên 30%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành trở lên có chữ ký số cá nhân trên 20%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành có tài khoản dịch vụ công trực tuyến trên 60%.
- Tỷ lệ dân số trưởng thành sử dụng nền tảng hỗ trợ tư vấn khám chữa bệnh từ xa trên 30%

2.4. An toàn thông tin:

- 100% các trang, cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được đánh giá an toàn thông tin và gán nhãn tín nhiệm mạng.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước hoàn thành phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin trên 80%.
- Tỷ lệ hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước đáp ứng yêu cầu bảo vệ an toàn thông tin mạng theo cấp độ trên 30%.

2.5. Dữ liệu số:

- Hoàn thành xây dựng Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh; cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.
- 100% các sở, ban ngành ban hành kế hoạch về dữ liệu mở, bao gồm danh mục dữ liệu mở, kế hoạch công bố dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý và cung cấp lần đầu dữ liệu mở theo kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Phát triển hạ tầng dùng chung

- Xây dựng mạng diện rộng WAN trên nền tảng mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh.

- Đầu tư thiết bị Hội nghị truyền hình trực tuyến tại Hội trường tỉnh.

- Thuê dịch vụ công nghệ thông tin đối với hệ thống điều khiển Hội nghị truyền hình trực tuyến tại điểm cầu cấp tỉnh thuộc dự án nâng cấp, mở rộng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến đến cấp xã đang sử dụng hiện nay.

- Đầu tư thiết bị MCU vật lý điều khiển hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến của tỉnh.

- Xây dựng kho dữ liệu dùng chung tỉnh Bắc Kạn.

- Triển khai hệ thống Trung tâm điều hành thông minh, hệ thống thông tin báo cáo và hệ thống tiếp nhận và phân tích ý kiến của người dân tỉnh Bắc Kạn.

- Hợp nhất Công dịch vụ công với Hệ thống thông tin một cửa điện tử để tạo lập Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

- Thuê phần mềm quản lý văn bản và điều hành tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).

- Thuê hệ thống wifi công cộng trên địa bàn tỉnh.

- Giám sát an toàn thông tin các Website của tỉnh.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì hoạt động diễn tập thực chiến an toàn thông tin mạng cấp tỉnh.

2. Phục vụ cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước

2.1. Cơ sở dữ liệu dùng chung:

- Triển khai bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Kạn.

- Triển khai bệnh án điện tử tại Trung tâm Y tế huyện Bạch Thông.

- Cơ sở dữ liệu về thông tin cán bộ, công chức, viên chức và hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ.

- Xây dựng nền tảng dùng chung ngành Nội vụ.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Xây dựng hệ thống quản lý, đánh giá chỉ số Chuyển đổi số (PDTI) tỉnh Bắc Kạn.

2.2. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành:

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Y tế.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo (triển khai nền tảng hệ sinh thái giáo dục thông minh).

- Cơ sở dữ liệu ngành Lao động, Thương binh và Xã hội (giai đoạn 1).

- Cơ sở dữ liệu công bố thông tin quy hoạch đồng bộ với Công thông tin điện tử của ngành Xây dựng (hoàn thiện, cập nhật).

- Cơ sở dữ liệu quản lý khoa học và công nghệ tỉnh Bắc Kạn.
- Cơ sở dữ liệu ngành Công Thương.
- Hệ thống thông tin, dữ liệu về công tác dân tộc tỉnh Bắc Kạn.

2.3. Các nhiệm vụ khác:

- Hệ thống Quản lý chất lượng giáo dục tỉnh Bắc Kạn.
- Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý Giáo dục nghề nghiệp - Đào tạo nghề tỉnh Bắc Kạn.
- Phần mềm hệ thống thông tin tài chính chi trả các chính sách đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Bắc Kạn.
- Xây dựng hệ thống kiểm soát nhận dạng phương tiện và triển khai hệ thống giám sát hành trình thông minh.
- Đầu tư xây dựng nền tảng tòa soạn số tại Báo Bắc Kạn.
- Mua máy tính phục vụ chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Trang bị bổ sung máy vi tính và máy scan cho bộ phận “Một cửa” cấp xã.
- Quản lý, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong việc khai thác, sử dụng, lưu trữ dữ liệu thông tin công dân; ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế phối hợp, quy trình quy định trong công tác kết nối chia sẻ, làm hành lang pháp lý để triển khai thực hiện.
- Tiếp tục cập nhật thông tin công dân lên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” phục vụ các nhiệm vụ của Đề án 06.

3. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Hệ thống Quản lý, giám sát quy hoạch, xây dựng và phát triển đô thị tỉnh Bắc Kạn.
- Đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển du lịch.
- Kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin “Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ du lịch thông minh tỉnh Bắc Kạn”.

4. Chuyển đổi số trong nhận thức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành cần tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quán triệt triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai hoạt động chuyển đổi số; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nghị quyết, chương trình, kế hoạch hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

của tỉnh; lấy kết quả triển khai thực hiện chuyển đổi số làm tiêu chí để đánh giá xếp loại công chức, viên chức và bình xét thi đua - khen thưởng hàng năm.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng để thông qua đó nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số trong thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả công tác, chất lượng đời sống nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong triển khai thực hiện.

- Duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh.

- Đào tạo, tuyên truyền nâng cao nhận thức phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số theo Đề án đào tạo nguồn nhân lực (Đề án 146).

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia và lễ phát động ngày chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn.

5. Thể chế, chính sách

- Ban hành quy định về tính pháp lý của dữ liệu số, số hóa dữ liệu và quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của CSDL tỉnh Bắc Kạn.

- Nghiên cứu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh đồng hành cùng chính quyền các cấp trong công cuộc chuyển đổi số; huy động nguồn lực doanh nghiệp thúc đẩy hoạt động chuyển đổi số CNTT trên địa bàn tỉnh phát triển.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng CNTT, viễn thông; khuyến khích, sẵn sàng thử nghiệm các ứng dụng CNTT, các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh hiệu quả.

(Có danh mục nhiệm vụ chi tiết kèm theo)

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023 chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp ngân sách tỉnh và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Tổng kinh phí thực hiện dự kiến khoảng: 66,864 tỷ đồng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh

Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số tỉnh chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong việc tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch; nghiên cứu, đề xuất với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương, cơ chế, chính sách tạo môi trường pháp lý thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số của tỉnh hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; đôn đốc, điều phối chung việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch và hoạt động chuyển đổi số của tỉnh.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

2.1. Trách nhiệm chung:

- Các đơn vị chủ trì thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số của ngành, cơ quan, địa phương mình cần rà soát lại sự cần thiết và tính đồng bộ của của nhiệm vụ so với các nền tảng dùng chung của tỉnh, nếu chưa thực sự cần thiết và không đảm bảo tính liên thông thì chủ động đề xuất dừng thực hiện (kể cả các nhiệm vụ chuyên tiếp) để đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí ngân sách.

- Đối với các phần mềm đang được nhà cung cấp cho các đơn vị dùng thử phải đánh giá kỹ về hiệu quả sử dụng, sự cần thiết.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp triển khai thực hiện các nhiệm vụ, dự án, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số thuộc ngành/lĩnh vực quản lý.

- Các đơn vị được giao nhiệm vụ chủ đầu tư triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số (các nhiệm vụ, dự án nằm trong danh mục) có trách nhiệm tuân thủ đúng trình tự, thủ tục đấu thầu các dự án ứng dụng CNTT, chuyển đổi số theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm về sự cấp thiết, hiệu quả đầu tư, tính đồng bộ, kết nối và chia sẻ với các phần mềm liên quan khác của các sở, ngành.

- Định kỳ trước ngày 15 hằng quý báo cáo Sở Thông tin và Truyền thông (*cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về Chuyển đổi số tỉnh*) về tiến độ triển khai các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số được giao để tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định. 2.2. *Trách nhiệm cụ thể của các đơn vị, địa phương:*

2.2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Chủ trì rà soát, đánh giá hiệu quả và tham mưu sắp xếp thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chuyển đổi số toàn tỉnh. Chủ động đề xuất dừng/tạm dừng các nhiệm vụ không còn phù hợp, hiệu quả thấp. Chủ động tham mưu xây dựng chiến lược dữ liệu, xây dựng nền tảng dùng chung bảo đảm tính liên thông của tất cả các ngành, lĩnh vực và bảo đảm liên thông quốc gia.

- Chủ động phối hợp, hướng dẫn, tư vấn, theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch của các đơn vị, địa phương; kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, địa phương đối với các nội dung thuộc thẩm quyền xử lý và tham mưu, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết các vấn đề vượt thẩm quyền.

- Thẩm định các dự án đầu tư ứng dụng CNTT, chuyển đổi số của các đơn vị, địa phương theo quy định, đảm bảo tính kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu, phù hợp với kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn và các quy định hiện hành, tránh đầu tư trùng lặp, gây lãng phí ngân sách.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan đánh giá hiệu quả của các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số đã triển khai. Định kỳ trước ngày 25 tháng cuối quý tham mưu cho Ban Cán sự đảng UBND tỉnh báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch này với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

2.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Tài chính bố trí vốn đầu tư công cho các chương trình, dự án CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, dự án chuyển đổi số cấp tỉnh.
- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức đối tác công tư.

2.4. Sở Tài chính:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, tham mưu bố trí kinh phí sự nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch này theo thứ tự ưu tiên, phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh.
- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đôn đốc các cơ quan, đơn vị triển khai kế hoạch, dự án đảm bảo tiến độ đúng quy định.

2.5. Sở Nội vụ:

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đảm bảo nội dung về hiện đại hóa hành chính trong kế hoạch và các hoạt động cải cách hành chính của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các ngành, địa phương quan tâm, thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số, góp phần thực hiện mục tiêu Cải cách hành chính giai đoạn 2021-2030.
- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

2.6. Sở Khoa học và Công nghệ:

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc tiếp cận cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4; nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào áp dụng thử nghiệm các giải pháp mới về Công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý, sản xuất và đời sống.
- Tham mưu bố trí nguồn vốn sự nghiệp khoa học công nghệ để thực hiện các đề tài, dự án ứng dụng công nghệ cao trong chuyển đổi số.

2.7. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

Chủ trì tham mưu nhiệm vụ tổ chức triển khai, chỉ đạo triển khai các nền tảng số phục vụ du lịch, chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch: Tổ chức sơ kết, đánh giá trước tháng 9/2023 (nhiệm vụ được Ủy ban Quốc gia chuyển đổi số giao cho tỉnh Bắc Kạn).

2.8. Công an tỉnh:

- Thực hiện việc quản lý, vận hành, cập nhật hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định; đảm bảo an ninh, an toàn thông tin, bảo vệ Bí mật nhà nước trong quá trình kết nối các Hệ thống của tỉnh với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Cấp Căn cước công dân, hướng dẫn đăng ký, sử dụng ứng dụng định danh và xác thực điện tử và các nhiệm vụ thuộc Đề án 06 của Chính phủ.

2.9. UBND các huyện, thành phố:

- Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của địa phương đảm bảo phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của địa phương.

- Nghiên cứu, lắp đặt POS (*thiết bị dùng cho phương thức thanh toán bằng thẻ*), QR Code (*thanh toán qua mã vạch*) tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của cấp xã, tạo điều kiện cho người dân thanh toán phí, lệ phí các thủ tục hành chính phát sinh.

- Hỗ trợ, khuyến khích người dân đưa sản phẩm nông sản, sản phẩm của làng nghề (*nếu có*) lên sàn thương mại điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội...

- Tăng cường ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành, phục vụ đời sống kinh tế - xã hội, đảm bảo mục tiêu tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng; triển khai các ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành như quản lý thông tin nhân khẩu, hộ gia đình trên địa bàn, quản lý các chính sách an sinh xã hội, xây dựng kênh trao đổi, tương tác trực tuyến giữa chính quyền cấp xã và nhân dân, bản tin điện tử của UBND xã qua ứng dụng trên điện thoại thông minh.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân và cán bộ cấp xã về chính quyền số, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Bắc Kạn năm 2023. Yêu cầu Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện đúng quy định, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CDS tỉnh;
- Tổ công tác giúp việc BCD;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Công an tỉnh; Bộ CHQS tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP;
- Lưu: VT, Việt^{VX}, Mai Lan, Nhung^(VX)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình